

# VAI TRÒ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CHỐNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU: GÓC NHÌN TỪ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ THIẾT KẾ CHÍNH SÁCH

★ NGUYỄN ĐỨC KHƯƠNG

*GS Tài chính, IPAG Business School, Cộng hòa Pháp*

★ TRẦN PHƯƠNG TRÀ

*PGS, TS Quản trị Chiến lược, IPAG Business School, Cộng hòa Pháp*

● **Tóm tắt:** Bài viết nhấn mạnh vai trò của doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi toàn cầu sang phát thải ròng bằng không thông qua việc công bố Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) và điều kiện thực hiện tiêu chí Môi trường, Xã hội, Quản trị (ESG). Dựa trên hai nghiên cứu tổng hợp của Ali et al. (2023) và Hussain et al. (2022), bài viết tập trung phân tích những yếu tố quan trọng thúc đẩy các doanh nghiệp xây dựng, thực thi và đánh giá chính sách CSR, cũng như công bố các kết quả đến các nhà đầu tư và thị trường. Một kết quả quan trọng khác cần ghi nhận là các doanh nghiệp đạt được nhiều lợi ích liên quan đến công bố CSR, ví dụ như danh tiếng tốt hơn, nâng cao hiệu quả tài chính, tiếp cận tốt hơn với nguồn tài chính bên ngoài, quản lý các nhà cung ứng tốt hơn và nâng cao trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp.

● **Từ khóa:** Trách nhiệm xã hội; ESG; net-zero carbon.

## 1. Chuyển đổi phát thải ròng bằng 0 (Net Zero Carbon - NZC): Thách thức và thực tiễn

Liên hợp quốc đã công bố lộ trình chuyển đổi phát thải ròng bằng 0 (NZC) từ năm 2015 tới năm 2050 trên toàn thế giới, với mục tiêu giới hạn mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở mức 1,5°C so

với thời kỳ tiền công nghiệp (Hộp 1). Hơn 70 quốc gia, bao gồm cả những nước và khu vực gây ô nhiễm lớn nhất (Trung Quốc, Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu) đã đặt mục tiêu phát thải ròng bằng 0, chiếm khoảng 76% lượng khí thải toàn cầu. Bên cạnh các cam kết quốc gia thì liên

minh chống biến đổi khí hậu cũng đang ngày càng được mở rộng sang các thành phố, doanh nghiệp và các tổ chức khác. Tại Hội nghị COP26 ở Glasgow ngày 30/10/2021, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã khẳng định quyết tâm của Việt Nam đạt NZC vào năm 2050.

Chuyển sang một thế giới phát thải ròng bằng 0 là một trong những thách thức lớn nhất mà loài người phải đối mặt. Nó đòi hỏi một sự chuyển đổi hoàn toàn về cách chúng ta sản xuất, tiêu dùng và di chuyển. Ngành năng lượng là nguồn phát thải khoảng 3/4 lượng khí thải nhà kính hiện nay nhưng cũng là chìa khóa để ngăn chặn những tác động xấu nhất của biến đổi khí hậu. Thay thế

năng lượng từ than, khí đốt và dầu gây ô nhiễm bằng năng lượng từ các nguồn tái tạo sẽ làm giảm đáng kể lượng khí thải carbon.

## 2. Vai trò của khối doanh nghiệp

Cùng với khối chính phủ, hơn 3.000 doanh nghiệp và tổ chức tài chính đang hợp tác với Sáng kiến Mục tiêu dựa trên cơ sở khoa học để giảm lượng khí thải phù hợp với khoa học khí hậu. Hơn 1.000 thành phố, hơn 1.000 tổ chức giáo dục và hơn 400 tổ chức tài chính đã tham gia Cuộc đua đến con số không, cam kết thực hiện hành động ngay lập tức và nghiêm ngặt để giảm một nửa lượng khí thải toàn cầu vào năm 2030 (United Nations).

### Lộ trình đạt phát thải ròng bằng 0 trên toàn cầu

#### ● Năm 2015:

196 quốc gia đã thông qua Thỏa thuận Paris lịch sử để hạn chế sự nóng lên toàn cầu và xây dựng khả năng phục hồi trước biến đổi khí hậu. Mục tiêu tổng thể của nó là giới hạn sự nóng lên không quá 1,5°C.

#### ● Năm 2015 - 2017:

Các bên tham gia thỏa thuận bắt đầu đệ trình kế hoạch hành động khí hậu được gọi là phân đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC). Những cam kết ban đầu, ngay cả khi được thực hiện đầy đủ, cũng chỉ đủ để làm chậm quá trình nóng lên ở mức dưới 3°C. Những lời kêu gọi hành động khẩn cấp thu hút được sự quan tâm ngày một lớn vì các kế hoạch sẽ không ngăn chặn được các tác động thảm khốc.

#### ● Năm 2020 - 2021:

Trước thềm các cuộc đàm phán về khí hậu COP26, các quốc gia đã bắt đầu sửa đổi NDC của mình để tăng cường hành động vì khí hậu. Với việc khoa học khẳng định cơ hội đang thu hẹp lại, các kế hoạch phải bao gồm các hành động khẩn cấp để cắt giảm lượng khí thải carbon và đạt mức 0 ròng vào năm 2050.

#### ● Năm 2030:

Để giữ nhiệt độ tăng lên 1,5°C, các quốc gia phải cắt giảm lượng khí thải ít nhất 45% so với mức của năm 2010.

#### ● Năm 2050:

Quá trình chuyển đổi sang mức phát thải ròng bằng không phải được hoàn thành đầy đủ.

(nguồn: United Nations – Net Zero Carbon Coalition)

Là một chủ thể kinh tế quan trọng, khối doanh nghiệp sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình khử carbon toàn cầu. Vai trò đó được thể hiện rất nhiều qua việc chủ động xây dựng và thúc đẩy các chính sách, cách làm và giải pháp gia tăng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Xu thế phát triển bền vững, ý thức và áp lực đến từ xã hội (người tiêu dùng, nhà đầu tư) cũng buộc các doanh nghiệp phải quan tâm đánh giá tác động môi trường, xã hội và quản trị từ các hoạt động sản xuất - kinh doanh của mình.

Tuy có những bước tiến nhất định, khoảng cách với mục tiêu kỳ vọng còn khá xa, nhất là khi nỗ lực, cách làm và chính sách còn không đồng nhất giữa các doanh nghiệp<sup>(1)</sup>. Nhiều doanh nghiệp vẫn còn chưa hiểu được rõ vai trò của mình trong tiến trình chuyển đổi sinh thái, cũng như các yếu tố giúp họ thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và tận dụng lợi thế của những đơn vị tiên phong.

### 3. Các công bố trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) và tiêu chí về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG)

Về mặt tổng quan, các hoạt động chuyển đổi của khối doanh nghiệp xoay quanh các tiêu chí về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) và báo cáo trách nhiệm xã hội (CSR). Trong khi ESG và CSR đều liên quan đến tác động của doanh nghiệp đối với xã hội và môi trường, điểm khác biệt chính giữa chúng là CSR liên quan đến chính sách nội bộ của từng doanh nghiệp riêng lẻ, trong khi ESG thể hiện các kết quả hay tác động môi trường, xã hội, và quản trị của thực thi CSR (Hộp 2). Đối với nhiều nhà đầu tư thì ESG đã trở thành tiêu chí đánh giá, lựa chọn doanh nghiệp để đầu tư vào.

Khi các doanh nghiệp đầu tư nguồn lực vào các chính sách cải thiện tác động ESG, họ đang tạo giá trị thông qua thúc đẩy thay đổi vì lợi ích chung. Tuy nhiên, theo khảo sát của Investopedia năm 2021, đây là một chiến lược cần phải có sự

đầu tư ngân sách. Chỉ 50% nhà đầu tư ESG chấp nhận lỗ 10% trong khoảng thời gian 5 năm để đầu tư vào một doanh nghiệp “phù hợp đặc biệt với các tiêu chuẩn ESG”. Định giá các sản phẩm tài chính vẫn còn là chỉ số quan trọng đối với 74% nhà đầu tư ESG<sup>(2)</sup>.

#### Phân biệt giữa hai khái niệm CSR và ESG

*ESG là một bộ tiêu chuẩn mà các nhà đầu tư tiềm năng sử dụng để sàng lọc các doanh nghiệp mà họ có thể đầu tư vào. Các tiêu chuẩn ESG xem xét tác động môi trường của doanh nghiệp (Môi trường) và các mối quan hệ của họ trong khu vực họ hoạt động, bao gồm với nhân viên, nhà cung cấp, khách hàng và cộng đồng rộng lớn hơn (Xã hội). Họ cũng xem xét lãnh đạo doanh nghiệp, lương điều hành, quyền cổ đông, kiểm toán và kiểm soát nội bộ (Quản trị). CSR (Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp) là một mô hình kinh doanh tự điều chỉnh đến từ lựa chọn của doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp ý thức hơn về tác động của họ đối với xã hội rộng lớn hơn. Điều này bao gồm môi trường, nền kinh tế và con người trong xã hội. Các doanh nghiệp thực hành Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) tích cực hoạt động theo cách giúp cải thiện xã hội và thế giới xung quanh họ, đồng thời khiến họ có trách nhiệm hơn với chính mình, các bên liên quan và công chúng.*  
(Nguồn Corporate Governance Institute 2023)

Trong khi các báo cáo ESG còn khá mới mẻ, các báo cáo CSR đã được thực hiện từ những năm 80 và đã trở thành một thông lệ thiết yếu của doanh nghiệp (Hussain et al., 2018). Bài báo đầu tiên về công bố thông tin môi trường trong các báo cáo hàng năm đã được xuất bản trên Tạp chí *Accounting, Organizations and Society* vào năm

1982. Tuy nhiên, 87,41% trên tổng số các bài nghiên cứu đã được xuất bản trong hai thập kỷ qua (2001 - 2020), trong số đó, 31,11% nghiên cứu đã được xuất bản từ năm 2017 đến năm 2020.

Tại Việt Nam, theo Ha (2019), trong tổng số 100 doanh nghiệp được đưa vào nghiên cứu thì có 12 doanh nghiệp không cung cấp bất kỳ thông tin nào liên quan đến CSR cho các bên liên quan. Chỉ có 14 doanh nghiệp trong tổng số 100 doanh nghiệp cung cấp thông tin khá đầy đủ với mức độ thông tin được công bố là trên 80% theo yêu cầu. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản và xây dựng có mức độ công bố thấp nhất so với yêu cầu. Các doanh nghiệp hoạt động thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp nhìn chung công bố thông tin trách nhiệm xã hội nhiều hơn so với các ngành khác.

Về ESG, theo báo cáo PwC (2022), 80% doanh nghiệp đã đặt ra cam kết và lên kế hoạch sớm thực hiện ESG. Điều này phần lớn xuất phát từ áp lực đến từ người tiêu dùng, người lao động

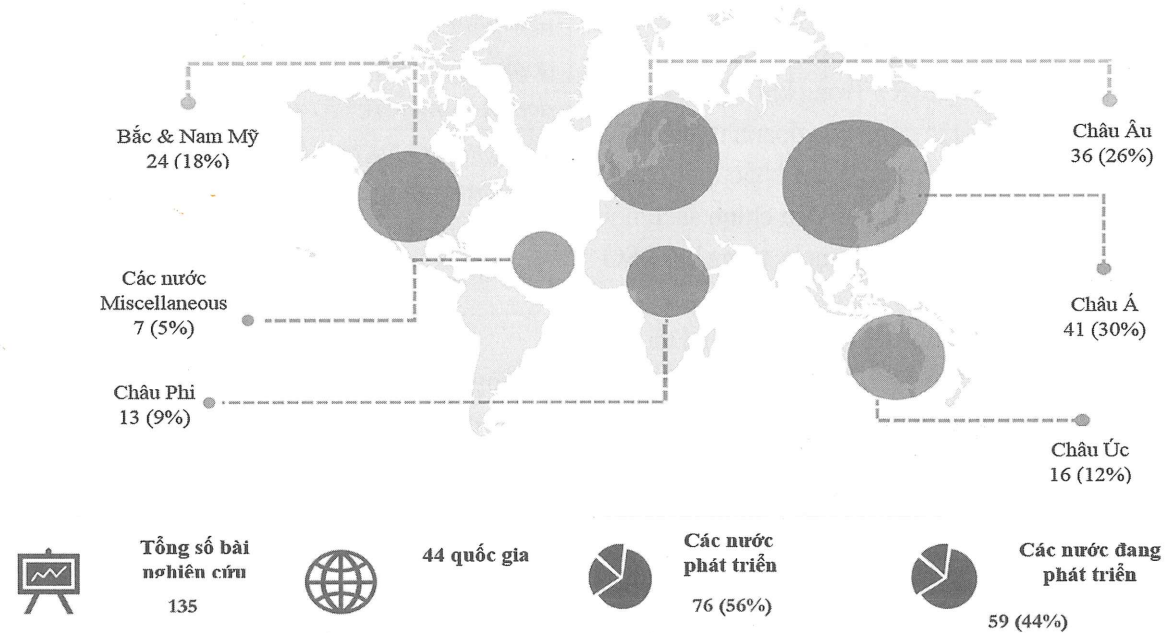
và các nhà đầu tư. Trong ba khía cạnh thì Quản trị là khía cạnh ưu tiên nhất trong chiến lược ESG của các doanh nghiệp tại Việt Nam. Báo cáo cũng chỉ ra rằng doanh nghiệp Việt Nam đang tụt hậu so với các doanh nghiệp trên toàn cầu trong việc bảo đảm tính độc lập khi báo cáo ESG.

#### 4. Các yếu tố động lực giúp doanh nghiệp công bố CSR

Các nghiên cứu ở phạm vi toàn cầu cho thấy sự gia tăng đáng kể trong việc công bố thông tin về tác động xã hội và môi trường của các doanh nghiệp đến từ nhiều yếu tố, bao gồm việc được xã hội ghi nhận, cơ chế quản trị doanh nghiệp và các yếu tố chính trị, xã hội và văn hóa (Ali *et al.*, 2017). Ngoài ra, các báo cáo này cũng trở nên được đặc biệt quan tâm sau một số vụ bê bối tài chính ở một số doanh nghiệp, ví dụ British Petroleum và Volkswagen (Garcia-Sanchez *et al.*, 2021).

Theo Ali *et al.* (2023), hầu hết các nghiên cứu về các yếu tố quyết định việc công bố thông tin CSR được thực hiện ở châu Á (30,37%), châu Âu

Hình 1. Các nghiên cứu CSR phân chia theo khu vực địa lý thế giới



(25,93%), Bắc Mỹ (17,04%) và châu Úc (11,85%) (Hình 1). 56,29% các nghiên cứu được thực hiện ở các nước phát triển và 43,70% ở các nước đang phát triển. Trong số các nghiên cứu ở các nền kinh tế phát triển, 61,84% tập trung vào Ôxtrâyliya, Niu Dilân, Canada, Vương quốc Anh và Mỹ. Chất lượng của dữ liệu liên quan doanh nghiệp hoạt động tại các quốc gia phát triển hỗ trợ rất lớn cho nghiên cứu. Mặt khác, 57,62% các nghiên cứu được thực hiện ở các nước đang phát triển tập trung vào các doanh nghiệp ở Malaixia, Ấn Độ, Nam Phi, Băngladét, Ai Cập, Indônêxia, Bồ Đào Nha, và Pakixtan.

Ở cả các nước phát triển và đang phát triển, công bố thông tin CSR thường tập trung vào ba khía cạnh chính là trách nhiệm xã hội, môi trường, và nguồn nhân lực, nhưng ít chú ý đến các khía cạnh khác như sự tham gia của cộng đồng, sản phẩm và người tiêu dùng, và công bố thông tin chung (Bảng 1). Công khai về môi trường và công khai về nguồn nhân lực là các khía cạnh được kiểm tra rộng rãi về công khai CSR ở các nước phát triển, trong khi các nghiên cứu tập trung vào các nước đang phát triển điều tra các công bố về môi trường và sự tham gia của cộng đồng.

Nghiên cứu của Ali *et al.* (2023) cũng chỉ ra 8 nhóm yếu tố thúc đẩy công bố CSR hoặc các khía cạnh liên quan ở cả các nước phát triển và đang phát triển: chính sách quốc gia, vấn đề môi trường, đặc điểm doanh nghiệp, vấn đề toàn cầu, đặc điểm quản trị, yếu tố thị trường cụ thể, cơ cấu sở hữu và định hướng CSR của doanh nghiệp.

Trong danh mục các yếu tố liên quan tới quốc gia, phương tiện truyền thông, áp lực chính trị và các đặc điểm cụ thể của mỗi quốc gia là những yếu tố quyết định được nghiên cứu nhiều và có tác động tích cực đến việc công bố CSR. Những kết quả này cũng khẳng định nhận định của các nghiên cứu trước, trong đó đáng chú ý là Ali *et al.* (2017) và Fifka (2013). Ngoài ra, hệ thống chính trị, mối quan tâm của cộng đồng, môi trường kinh doanh, tầm nhìn chính trị và mối quan tâm xã hội ở một quốc gia cũng ảnh hưởng tích cực đến việc công bố CSR. Ngược lại, thiếu khung pháp lý, đặc thù văn hóa, bất bình đẳng thu nhập và sự bất ổn chính trị ở một quốc gia ảnh hưởng tiêu cực đến việc công bố CSR.

Liên quan đến các vấn đề toàn cầu, chuỗi cung ứng toàn cầu có ảnh hưởng đáng kể đến việc công bố CSR ở các nước đang phát triển.

Liên quan đến các yếu tố môi trường, mối quan tâm về môi trường và hiệu suất môi trường là

**Bảng 1. Công bố chỉ số trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và các tiêu chí đánh giá**

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Các nước phát triển		Các nước đang phát triển		Tổng
		Tần suất	%	Tần suất	%	
1	Môi trường	41	32.03%	27	23.08%	68
2	Nguồn nhân lực	24	18.75%	14	11.97%	38
3	Sản phẩm và khách hàng	1	0.78%	4	3.42%	5
4	Công bố thông tin chung	3	2.34%	1	0.85%	4
5	Mức độ gắn kết với cộng đồng	12	9.38%	18	15.38%	30
6	Trách nhiệm xã hội	47	36.72%	53	45.30%	100
	Tổng	128		117		245

những yếu tố chính thúc đẩy công bố CSR ở các nước phát triển và đang phát triển. Ngoài ra, các yếu tố về môi trường thể chế, chi phí môi trường và tài trợ cho thiết bị môi trường dường như có ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin.

Liên quan đến đặc điểm của doanh nghiệp, quy mô doanh nghiệp, hiệu quả tài chính, đóng góp của cổ đông và thông tin minh bạch là những yếu tố chính dẫn đến việc công khai trách nhiệm xã hội ở cả các nước phát triển và đang phát triển. Ngoài ra, đặc điểm của doanh nghiệp về đòn bẩy, giá trị doanh nghiệp, tuổi doanh nghiệp, thực tiễn doanh nghiệp, niêm yết nhiều lần, định hướng bền vững, thực tiễn thân thiện với môi trường, hình ảnh doanh nghiệp, hiệu quả hoạt động của tổ chức, quản lý tài sản, chi tiêu vốn, tầm nhìn của doanh nghiệp, sự phụ thuộc vào Chính phủ và tính công bằng ảnh hưởng đến việc công bố thông tin CSR.

Các thuộc tính quản trị khác, bao gồm quy mô hội đồng quản trị, tính độc lập của hội đồng quản trị và lãnh đạo hội đồng quản trị đóng vai trò thiết yếu trong việc tăng cường công bố CSR. Các đặc điểm của QTCT, chẳng hạn như sự đa dạng về giới trong Hội đồng quản trị, các cuộc họp của Hội đồng quản trị, ủy ban CSR và các Hội đồng quản trị có nhiều chức danh giám đốc có tác động tích cực đến công bố thông tin về xã hội và môi trường ở cả các quốc gia phát triển và các nền kinh tế phát triển.

Tầm quan trọng của mức độ bằng cấp của hội đồng quản trị, nhiệm kỳ dài hạn của giám đốc điều hành (CEO), thành viên hội đồng quản trị nước ngoài và sự hiện diện của ủy ban kiểm toán độc lập trong việc thúc đẩy công khai xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển cũng đã được đề cập. Tuy nhiên, ở cả các nước phát triển và đang phát triển, CEO kiêm nhiệm có mối liên hệ tiêu cực với việc công bố CSR.

Theo các yếu tố thị trường, yếu tố ngành là yếu tố được nghiên cứu nhiều nhất ở cả hai loại nền

kinh tế và có ảnh hưởng tích cực đến việc công bố CSR. Thêm vào đó, áp lực dư luận, rủi ro hệ thống, nhu cầu thị trường vốn, mức độ cạnh tranh, yếu tố văn hóa, áp lực của Chính phủ, niêm yết ở nước ngoài, niêm yết trên thị trường chứng khoán, áp lực thị trường tài chính và định giá thị trường thúc đẩy việc báo cáo thông tin CSR. Ngoài ra, kết quả cũng nhấn mạnh vai trò tích cực của loại hình sở hữu, chẳng hạn như sở hữu quản lý, sở hữu chính phủ, sở hữu thể chế, sở hữu nước ngoài, sở hữu phân tán và quyền sở hữu công cộng trong việc thúc đẩy chương trình công bố CSR. Tuy nhiên, quyền sở hữu của chủ sở hữu khối có mối liên hệ tiêu cực với việc công bố thông tin xã hội và môi trường ở các nước phát triển và đang phát triển.

Cuối cùng, định hướng CSR của các doanh nghiệp cũng ảnh hưởng đến công bố thông tin xã hội và môi trường của họ. Theo kết quả nghiên cứu, các sáng kiến CSR của doanh nghiệp, tầm nhìn và sứ mệnh liên quan đến CSR, hợp tác với các tổ chức phi chính phủ (NGO), các diễn đàn và mạng lưới CSR và các tổ chức thiết lập tiêu chuẩn CSR thúc đẩy tích cực công bố thông tin xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển.

Về hệ quả của việc công bố CSR hoặc các khía cạnh của nó được thực hiện ở 23 quốc gia khác nhau (Bảng 2). Trong số các nghiên cứu này, 58,7% và 41,3% được thực hiện tương ứng ở các nền kinh tế phát triển và các nền kinh tế đang phát triển. Các nghiên cứu về hậu quả của việc công khai CSR ở các nền kinh tế phát triển chủ yếu tập trung vào Ôxtrâyliá, Mỹ và Canada. Ở các nước đang phát triển, Ấn Độ là những quốc gia hấp dẫn nhất đối với các nhà nghiên cứu.

## 5. Kết quả công bố CSR và yếu tố giải thích hiệu suất

Về kết quả đáng lưu ý từ việc công bố CSR, các doanh nghiệp công bố thông tin để đạt được danh tiếng của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả

**Bảng 2. Phân bổ nghiên cứu về ảnh hưởng công bố chỉ số trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp theo quốc gia**

Viết tắt: F = Tần suất; \*Hà Lan, Đức, và Thụy Sĩ; \*\*Pakixtan, Thổ Nhĩ Kỳ, Ý và Nam Phi.

STT	Các nền kinh tế phát triển			STT	Các nền kinh tế phát triển		
	Quốc gia	F	%		Quốc gia	F	%
1	Ôxtrâyli-a	7	15.22%	1	Indônêxia	4	8.70%
2	Mỹ	4	8.70%	2	Ấn Độ	3	6.52%
3	Canada	3	6.52%	3	Kadắcxtan	1	2.17%
4	Niu Dilân	2	4.35%	4	Bồ Đào Nha	1	2.17%
5	Anh	2	4.35%	5	Pakixtan	1	2.17%
6	Ai Cập	2	4.35%	6	Étxtônia	1	2.17%
7	Ý	2	4.35%	7	Nam Phi	1	2.17%
8	Ba Lan	1	2.17%	8	Gioóc đ-an	1	2.17%
9	Phần Lan	1	2.17%	9	Tunidi	1	2.17%
10	Các nước khác*	3	6.52%	10	Trung Quốc	1	2.17%
				11	Thổ Nhĩ Kỳ	1	2.17%
				12	Malaixia	1	2.17%
				13	Các nước khác**	2	4.35%
				Total		19	41.3%

tài chính, tận dụng cơ hội đầu tư và quản lý các bên liên quan chính, bao gồm cổ đông, Chính phủ, nhân viên và người lao động, và nghiệp đoàn ở cả các nước phát triển và đang phát triển. Trái ngược với phát hiện ở các nước đang phát triển, các doanh nghiệp ở các nước phát triển dường như công bố thông tin CSR để thể hiện trách nhiệm giải trình của họ với các chủ thể liên quan.

Để giải thích hiệu suất của việc công bố CSR, trong khi các yếu tố như quy mô hội đồng quản trị, sự hiện diện của ủy ban kiểm toán, sự tồn tại của thành viên CSR trong hội đồng quản trị và chuyên môn của giám đốc là những yếu tố dự đoán chặt chẽ hơn về công bố thông tin, hiệu suất của nó được giải thích chỉ bởi bốn khía cạnh quản trị: sự độc lập của hội đồng quản trị, thành viên nữ trong ban điều hành, quy mô hội đồng quản trị và ủy ban CSR trong hội đồng quản trị. Ngoài ra, chuyên môn của giám đốc và sự hiện diện của

các giám đốc có ảnh hưởng cộng đồng trong hội đồng quản trị là những yếu tố dự báo yếu về hiệu quả hoạt động.

Về sự kém hiệu quả, các nghiên cứu cho thấy rằng khi Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Giám đốc điều hành có quan hệ tỷ lệ nghịch với việc công bố thông tin CSR và hiệu suất. Những kết quả này phù hợp với tiền đề của lý thuyết người đại diện trình bày quan điểm rằng khi các nhà quản lý quá quyền lực thì họ có thể hành động rõ ràng vì lợi ích tốt nhất của họ, thay vì lợi ích của doanh nghiệp.

**6. Kết luận**

Đông Nam Á là khu vực bị tác động sâu rộng và tiêu cực nhất từ biến đổi khí hậu (Prakash, 2018). Nhìn vào Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu thì Việt Nam, Mianma, Philippin và Thái Lan được liệt kê trong danh sách 10 quốc gia trên thế giới bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi biến đổi khí hậu

trong 20 năm qua<sup>(3)</sup>. Ngân hàng Thế giới đưa Việt Nam vào trong số năm quốc gia có nhiều khả năng bị ảnh hưởng nhất bởi sự nóng lên toàn cầu trong tương lai. Điều đó cho thấy mức độ rủi ro khí hậu và tổn thất tiềm năng về lợi ích kinh tế, xã hội là lớn. Chi phí cho chống biến đổi khí hậu cũng gia tăng nếu chúng ta thiếu những chính sách và quyết sách phù hợp.

Là một chủ thể kinh tế quan trọng, các doanh nghiệp cũng cần phải có những giải pháp chủ động thích ứng với môi trường mới. Để tồn tại trong thời kỳ số hóa và xu thế cấp thiết về phát triển bền vững và bối cảnh thay đổi nhanh chóng của khoa học công nghệ, một doanh nghiệp không thể chỉ theo đuổi mục tiêu lợi nhuận mà còn phải có mục đích và được xã hội ghi nhận. Lý do quan trọng ở đây là cả người tiêu dùng và nhà đầu tư đều có những kỳ vọng ngày một cao về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị.

Muốn đáp ứng được yêu cầu nói trên thì doanh nghiệp cần hiểu và nắm bắt được rõ ràng các yếu

tố tạo động lực cho họ thúc đẩy chính sách CSR và các công bố CSR. Kết quả từ hai bài nghiên cứu được phân tích ở đây cho thấy các yếu tố liên quan tới quốc gia, mối quan tâm về môi trường, đặc điểm của doanh nghiệp, cơ chế quản trị, các vấn đề toàn cầu, các đặc thù của thị trường và cấu trúc sở hữu thúc đẩy công bố CSR ở cả các nước phát triển và đang phát triển. Coi trọng các yếu tố đó khi xây dựng và thực thi chiến lược sẽ giúp các doanh nghiệp đạt được những tiến bộ tích cực về các tác động ESG. Hơn nữa, khi chủ động tích cực công bố thông tin CSR, các doanh nghiệp có thể tạo được uy tín của mình, nâng cao hiệu quả tài chính, tận dụng các cơ hội đầu tư, quản lý các nhà cung cấp, và thể hiện trách nhiệm giải trình của họ.

Cuối cùng, sự khác biệt đáng kể về số lượng và chất lượng thông tin CSR được công bố giữa các nền kinh tế phát triển và đang phát triển cho thấy bài học với Việt Nam là cần phải có một không gian chính sách, khuôn khổ pháp lý khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện CSR ❖

(1) Ví dụ, Swiss Re, doanh nghiệp bảo hiểm của Thụy Sĩ, sử dụng Thuế nội bộ đối với khí thải CO<sub>2</sub> tạo động lực cho nhân viên. IKEA, doanh nghiệp đồ gỗ gia dụng từ Thụy Điển, cam kết trên 03 hạng mục: giảm lượng khí thải nhà kính trên toàn chuỗi giá trị, loại bỏ và cô lập carbon và quan tâm đến tác động giảm khí thải ngoài chuỗi giá trị của doanh nghiệp. Ngay từ năm 2018, Xi măng Dalmia - Ấn Độ đã công bố cam kết trở thành nhà máy không có carbon ròng và carbon âm tính vào năm 2040. Hiện Dalmia là một trong những nhà sản xuất xi măng có lượng khí thải carbon thấp nhất trên toàn cầu và đã cam kết thực hiện RE 100 (100% điện tái tạo vào năm 2030) và EV 100 (chuyển đổi sang xe điện).

(2) Investopedia: “Investors’ Top ESG Stocks and Investment Firms are Full of Surprises”, 21/7/2021, <https://www.investopedia.com/investors-top-esg-stocks-and-investment-firms-are-full-of-surprises-5193551>, truy cập ngày 28/5/2023.

(3) David Eckstein, Vera Künzel and Laura Schäfer: “Global Climate Risk Index 2018, Who Suffers Most From Extreme Weather Events? Weather-related Loss Events in 2016 and 1997 to 2016”, 11/2017, <https://www.germanwatch.org/sites/default/files/publication/20432.pdf>, truy cập ngày 28/5/2023.